TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Án số: **05**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14/02/2023
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN TỈNH THÁI NGUYÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Duy Chinh
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Thu
2. Ông Lê Văn Ninh.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thanh Huyền - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên: Bà Nguyễn Thị Thu Nhung - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình về việc kiện tranh chấp ly hôn thụ lý số 620/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXX ngày 30/01/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lương Thị T, sinh năm 1990.
Địa chỉ: Tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.
Bị đơn: Anh Nguyễn Phương D, sinh năm 1987.
Địa chỉ: Tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

(Các đương sự đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên toà, nguyên đơn chị Lương Thị T trình bày: Tôi kết hôn với anh Nguyễn Phương D vào ngày 16/11/2016 và đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Trước khi kết hôn chúng tôi tự nguyện tìm hiểu, không có ai bị lừa dối, ép buộc. Sau khi kết hôn, chúng tôi chung sống tại phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Về tình cảm vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân: Thời gian đầu vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, nhưng sau đó nảy sinh nhiều mâu thuẫn hay cãi cọ nhau từ

năm 2017. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống và không có tiếng nói chung, nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn căng thẳng. Hiện nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn và không thể đoàn tụ được vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 19/12/2019 và Nguyễn Đăng K, sinh ngày 09/10/2021. Khi ly hôn, tôi có nguyện vọng nuôi con Nguyễn Đăng K, sinh ngày 09/10/2021. Tôi nhất trí để anh D nuôi con Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 19/12/2019.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi không đề nghị anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, các khoản cho vay chung: Tôi và anh D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn anh Nguyễn Phương D*:* Tôi xác định những nội dung chị T trình bày như trên là đúng về quá trình kết hôn, đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn và thời điểm vợ chồng mâu thuẫn. Theo tôi nguyên nhân chính là do tính cách vợ chồng không hòa hợp nhau, vợ chồng bất đồng với nhau trong cuộc sống. Sau khi vợ chồng mâu thuẫn chúng tôi và hai bên gia đình đã nhiều lần nói chuyện và khuyên nhủ để khắc phục tình trạng vợ chồng trầm trọng nhưng không thể giải quyết được, vợ chồng không còn tiếng nói chung với nhau. Nếu chị T kiên quyết ly hôn, tôi nhất trí với yêu cầu của chị T, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng tôi ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 19/12/2019 và Nguyễn Đăng K, sinh ngày 09/10/2021. Nếu vợ chồng tôi ly hôn, tôi có nguyện vọng nuôi con Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 19/12/2019. Tôi nhất trí để chị T nuôi con Nguyễn Đăng K, sinh ngày 09/10/2021.

Về cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải và công khai chứng cứ theo quy định để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng anh D đã trình bày ý kiến nhưng không nhất trí ký biên bản hòa giải và công khai chứng cứ, do đó phải mở phiên tòa xét xử ngày hôm nay.

Tại phiên tòa hôm nay chị T vẫn giữ nguyên quan điểm như yêu cầu trên. Anh Duy nhất t ly hôn, về con chung anh không nhất trí để chia cách các con và có nguyện vọng nuôi cháu Đ. Đề nghị Tòa án và Hội đồng xét xử giải quyết về phần con chung theo quy định.

Tại phiên tòa đại diện VKSND thành phố Thái Nguyên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và của

người tham gia tố tụng đúng quy định của pháp luật. Về thẩm quyền, thời hạn giải quyết đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; về đường lối giải giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị T được ly hôn với anh D, giao chị T nuôi con Nguyễn Đăng K, sinh ngày 09/10/2021; giao anh D nuôi cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 19/12/2019.Các bên được quyền đi lại thăm nom con chung. Về cấp dưỡng nuôi con các bên không yêu cầu do đó không xem xét; Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết do đương sự không có yêu cầu. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

Về tố tụng: Đây là vụ kiện tranh chấp về Hôn nhân gia đình, được quy định tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn anh D sinh sống và có hộ khẩu thường trú tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, do vậy căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

Về nội dung: Chị Lương Thị T và anh Nguyễn Phương D kết hôn năm 2016 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Trong cuộc sống chung vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung và không cùng mục đích sống. Chị T đã nhiều lần làm đơn ra Tòa để giải quyết ly hôn và cho thời gian để vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh D không thay đổi. Nay Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn và không thể đoàn tụ được và đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh D để giải phóng cho nhau. Anh D cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, nay chị T xin ly hôn anh cũng nhất trí thuận tình ly hôn. Hội đồng xét xử thấy chị T và anh D đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí thuận tình ly hôn, do vậy cần công nhận sự thuận tình ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 19/12/2019 và Nguyễn Đăng K, sinh ngày 09/10/2021. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng nuôi cháu K, anh D không nhất trí chia cách các con chung và anh D có nguyện vọng nuôi cháu Đ và đề nghị giải quyết theo quy định. Xét thấy chị T và anh D đều có đủ điều kiện để đảm bảo nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con

chung vì chị T và anh D đều là cán bộ công chức viên chức nhà nước, có công việc và thu nhập ổn định. Hiện tại anh D đang nuôi cháu Đ và ở bà nội, chị T đang nuôi cháu K và đang ở với gia đình bên ngoại. Do đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung. Hội đồng xét xử cần quyết định giao cháu Đ cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu K cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Các bên đều có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Vì các bên mỗi người nuôi 01 con chung và tại phiên Tòa các đương sự không đề nghị, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung và các khoản cho vay chung: Các bên không yêu cầu, Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51,56, 58, 81, 82,83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị T;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị T và anh Nguyễn Phương D đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Đăng K, sinh ngày 09/10/2021 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao con chung Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 19/12/2019 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Cho đến các con chung trưởng thành *(đủ 18 tuổi)* hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Chị T, anh D được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu. Tòa án không đặt ra giải quyết.

Khi xét thấy cần thiết hoặc do điều kiện sống có sự thay đổi, vợ chồng có thỏa thuận khác phù hợp với quy định pháp luật và vì lợi ích của con chung, các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Lương Thị T phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm vào ngân sách nhà nước được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000281 ngày 02/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên;

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án.

6. Quyền kháng cáo: Chị T, anh D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Nơi nhận:
- VKSND TP. Thái Nguyên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- THADS TP. Thái Nguyên;
- UBND phường Tân Thịnh, TPTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Duy Chinh